

Bản án số: 110/2024/HS-ST
Ngày 11-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trọng Tuấn

Ông Phạm Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2024/TLST-HS ngày 15 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Đức T, sinh ngày 16/8/1986 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Số B đường T, TDP T, phường Đ, quận H, Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Trần Đức V và bà Bùi Thị T1; có vợ Trần Thị Hồng T2 (Hoàng Thị C đã ly hôn) và 02 con, tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 25/4/2023 chuyển tạm giam ngày 28/4/2023; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn C1 - Văn Phòng L2, Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

- Người chứng kiến: Ông Giang Hồng T3 và Nguyễn Ngọc S, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 30 phút ngày 25/4/2023, tại khu vực trước cửa nhà số C đường H - TDP H - Đông Hải 2 - H - TP Hải Phòng, Đồn biên phòng T5 bắt quả tang Trần Đức

T, SN: 1986, ĐKTT: Số B đường T - TDP T - Đ - H - TP Hải Phòng có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Vật chứng, đồ vật, tài sản thu giữ, tạm giữ gồm có:

- 01 túi xách màu đen (loại túi đeo trước ngực) mà T đang đeo bên trong có: 01 túi nilon màu trắng, kích thước 09x11cm, bên trong chứa: 12 túi nilon màu trắng, kích thước 2,5x2,5cm, bên trong mỗi túi chứa tinh thể màu trắng (mẫu M1); 01 túi nilon màu trắng, kích thước 06x04cm, bên trong chứa tinh thể màu vàng cam (mẫu M2); 01 gói nilon màu đen, kích thước 07x12cm, có in chữ Fruit Punch, bên trong có chất bột màu tím (mẫu M3); 01 túi nilon màu trắng, kích thước 06x04cm, bên trong chứa 25 viên nén màu ghi xám (mẫu M4);

- Thu giữ trong sọt nhựa buộc trên yên xe máy BKS: 15B1 - 970.96 của Trần Đức T 01 vỏ hộp thuốc nhỏ mắt Natriclorid, bên trong chứa: 01 túi nilon màu trắng, kích thước 06x04cm, bên trong chứa 22 viên nén màu ghi xám (mẫu M5); 07 túi nilon màu trắng, kích thước 2,5x2,5cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng (mẫu M6)

Ngoài ra, Cơ quan công an còn giữ của T 01 xe mô tô Honda BKS: 15B1 - 970.96, 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thanh S1, 01 điện thoại nhãn hiệu VERTU - T-099519, 01 điện thoại nhãn hiệu SHARK KLE - A0, 01 điện thoại nhãn hiệu GALAXY S20+5G.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nhà ở của Trần Đức T tại 2 đường T - T - Đ - H - TP Hải Phòng và tại 1 D - D - L - TP Hải Phòng , Cơ quan Công an không thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 358/KL-KTHS(MT) ngày 26/4/2023 và số 385/KL-KTHS(MT) ngày 18/5/2023 của Phòng K - Công an thành phố H kết luận: Tinh thể màu trắng của mẫu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng: 10,47 gam, loại Ketamine; Tinh thể màu vàng của mẫu M2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,06 gam loại Methamphetamine, 0,50 gam loại MDMA, 4,25 gam loại Ketamine và N; chất bột màu tím của mẫu M3 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,03 gam loại Methamphetamine, 0,45 gam loại MDMA và 6,77 gam loại Nimetazepam; 25 viên nén màu ghi xám của mẫu M4 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 11,89 gam, loại MDMA; 22 viên nén màu ghi xám của mẫu M5 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 10,41 gam, loại MDMA; tinh thể màu trắng của mẫu M6 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 6,21 gam, loại Ketamine.

Tại cơ quan điều tra, xét hỏi, Trần Đức T khai nhận: T làm nghề xe ôm thỉnh thoảng ship hàng cho đối tượng tên Đ (không rõ tên tuổi địa chỉ) và biết Đ bán ma túy nên nảy ý định mua ma túy của Đ bán kiếm lời. Từ khoảng tháng 04/2023, T mua ma túy của Đ với giá 160.000VNĐ/01 viên thuốc lắc bán cho khách với giá 180.000VNĐ/01 viên thuốc lắc; Ketamine với giá 600.000VNĐ/01 túi, bán cho khách 800.000VNĐ/01 túi; ma túy “nước vui” mua với giá 1.000.000VNĐ/01 túi, bán cho

khách với giá 1.500.000VNĐ/01 túi (với túi “nước vui” không còn nguyên đã bị sử dụng một ít, T mua với giá 600.000VNĐ/01 túi, bán cho khách với giá 1.000.000VNĐ/01 túi). T mua ma túy của Đ bán cho khách nhiều lần nhưng chỉ nhớ các lần như sau:

Lần thứ nhất: Chiều ngày 22/4/2023, một nam giới (chưa xác định được nhân thân lai lịch, tự giới thiệu là quản lý quán K1 ở H, Đ, H, Hải Phòng) gọi điện cho T hỏi mua 14 túi Ketamine và 20 viên thuốc lắc, giao làm 2 đợt, đợt 1 là 10 túi Ketamine và 14 viên thuốc lắc, đợt 2 là 04 túi Ketamine và 06 viên thuốc lắc. T báo giá là 11.200.000VNĐ/14 túi Ketamine và 3.600.000VNĐ/20 viên thuốc lắc, tổng tiền ma túy là 14.800.000VNĐ và người mua đồng ý. Sau đó, T gọi điện cho Đ hỏi mua 14 túi Ketamine và 20 viên thuốc lắc, giao dịch tại ngõ đối diện bệnh viện N - K - Hải Phòng. Tại đây T đã nhận đủ số ma túy từ Đ và nợ tiền mua ma túy của Đ là 10.520.000 đồng, khi nào bán xong sẽ trả Đ. Đến chiều ngày 23/4/2023, người mua ma túy của T hẹn giao ma túy đợt 1 tại chợ Đ2 - H - Hải Phòng. Tại đây, T giao cho người đó 10 túi Ketamine và 14 viên thuốc lắc, tổng số tiền ma túy đợt 1 là 10.520.000 đồng, người bán trả trước cho T 10.000.000 đồng, còn nợ lại T 520.000 đồng. Khoảng 20h tối ngày 23/4/2023, người mua gọi điện cho T mua tiếp đợt 2 là 04 túi Ketamine và 06 viên thuốc lắc còn lại, hẹn giao dịch ma túy tại cổng sau bệnh viện N1 - K. Tại đây, T giao đủ số ma túy cho người mua. Tổng số tiền ma túy đợt 2 là 4.280.000 đồng, người mua xin nợ lại T đến lần mua sau sẽ trả đủ cho T, T đồng ý. Do đó, T chưa thanh toán tiền mua ma túy cho Đ.

Lần thứ hai: Sáng ngày 24/4/2023, người nam giới mua ma túy trên gọi điện đặt mua tiếp của T 47 viên thuốc lắc, 19 túi Ketamine và 02 gói “nước vui” hẹn giao làm 2 đợt, đợt 1 giao trước 25 viên thuốc lắc, 12 túi Ketamine, giao dịch ma túy tại chợ Đ2 - Đ - H - Hải Phòng, đợt 2 giao nốt số lượng còn lại là 22 viên thuốc lắc, 7 túi Ketamine và 02 gói “nước vui”. Tổng số tiền ma túy giao đợt 1 là 14.100.000 đồng, hai bên thỏa thuận người mua phải trả cho T 15.000.000VNĐ gồm tiền ma túy nợ lần trước (4.280.000 đồng) và một phần tiền ma túy mua lần này (10.720.000 đồng), người mua còn nợ T 3.380.000 đồng. Sau đó, T gọi điện cho Đ hỏi mua đúng số lượng 47 viên thuốc lắc, 19 túi Ketamine và 02 gói “nước vui”, hẹn Đ giao dịch ma túy tại đầu ngõ E D - L - Hải Phòng. Tại đây, Đ đưa cho T đủ lượng ma túy trên và cho T nợ tiền mua ma túy lần này là 20.520.000 đồng. T mang số ma túy vừa mua được về nhà cất giấu. Đêm ngày 24/4/2023, T đã chuyển khoản trả tiền mua ma túy cho Đ vào ngân hàng T6, tài khoản tên Trương Tất Đ1 số tiền 11.000.000 đồng, còn nợ lại Đ1 số tiền 21.120.000 đồng. Chiều ngày 25/4/2023, T mang theo toàn bộ số ma túy mua được của Đ1 (trong đó T đã để riêng ra 25 viên thuốc lắc, 12 túi Ketamine trong túi đeo chéo) để giao lần 1 cho người mua như đã hẹn, khi đến chợ Đ2 2 trước cửa nhà số C

đường H - Đ - H - Hải Phòng, T bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ khi chưa kịp gặp người mua.

Như vậy, khối lượng ma túy thu khi bắt quả tang (lần mua bán thứ hai) của Trần Đức T là 23,34 gam Methamphetamine và MDMA, 27,7 gam Ketamine và N (quy đổi theo nghị định 19/2018/NĐ-CP tương đương 9,2333 gam Methamphetamine).

Đối với lần mua bán trái phép chất ma túy lần thứ nhất (từ ngày 22 đến ngày 23/4/2023) T khai cùng mua của 01 người và bán cho 01 người, cách thức, giá tiền, loại ma túy giống như của lần mua bán trái phép chất ma túy lần thứ hai bị bắt quả tang (chỉ khác lần thứ hai thêm nước vui). Do đó đủ cơ sở xác định: Trần Đức T có hành vi mua bán trái phép chất ma túy với khối lượng là 20 viên thuốc lắc, tương đương $(22,3/47) \times 20 = 9,489$ gam MDMA và 14 túi Ketamine tương đương $(16,68/19) \times 14 = 12,29$ gam Ketamine (quy đổi theo nghị định 19/2018/NĐ-CP, tương đương 4,0966 gam Methamphetamine).

Tại bản cáo trạng số 103/CT-VKS-P1 ngày 13/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo Trần Đức T về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Đức T khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Luật sư của bị cáo Trần Đức T là ông Nguyễn Văn C1 nộp cho Hội đồng xét xử: Bản sao Huân chương kháng chiến hạng nhì và giấy chứng nhận thương binh hạng $\frac{3}{4}$ của ông Trần Đức V (là bố đẻ bị cáo Trần Đức T), giấy xác nhận khuyết tật của chị Trần Thị Hồng T2 (là vợ của bị cáo Trần Đức T).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phân tích hành vi phạm tội, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm h khoản 3 và khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt: Trần Đức T từ 17 năm 6 tháng đến 18 năm 6 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị phạt tiền đôi với bị cáo từ 10.000.000 - 15.000.000 đồng.

Về vật chứng, đề nghị: Tịch thu tiêu hủy đối với toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định và 01 túi xách màu đen; tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 điện thoại GALAXY S20+5G của bị cáo. Trả lại bị cáo 02 điện thoại: 01 ĐTDĐ nhãn hiệu SHARK-KLE-A0, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VERTU-099519.

Về án phí và quyền kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức T trình bày: Về tội danh và khung hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị là đúng nên Luật sư không có ý kiến gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo phạm tội lần đầu, gia đình có công với cách mạng, vợ là người khuyết tật, gia cảnh khó khăn... để xử bị cáo với mức hình phạt nhẹ hơn mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị tại phiên tòa.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn hối cải và xin được Hội đồng xét xử khoan hồng tuyên mức án nhẹ hơn mức hình phạt Viện kiểm sát đã nêu để bị cáo sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- *Về tố tụng:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:* Ngày 25/4/2023, Trần Đức T có hành vi bán trái phép chất ma túy thì bị bắt quả tang với khối lượng 0,09 gam Methamphetamine; 23,34 gam MDMA và là 27,7 gam Ketamine, (quy đổi theo nghị định 19/2018/NĐ-CP tương đương 9,2333 gam Methamphetamine). Từ ngày 22/4/2023 đến ngày 23/4/2023 bị cáo bán thành công 20 viên thuốc lắc 12,29 gam Ketamine (quy đổi theo nghị định 19/2018/NĐ-CP, tương đương 4,0966 gam Methamphetamine). Do 20 viên thuốc lắc không thu giữ được, nên không có căn cứ tính khối lượng. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận Trần Đức T 02 lần mua bán trái phép chất ma túy với tổng khối lượng là 36,6699 gam Methamphetamine và MDMA. Trần Đức T đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm h khoản 3 Điều 251 BLHS.

[3] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản và khung hình phạt là hoàn toàn đúng với quy định của pháp luật.

[4] Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự xã hội. Ma túy là tệ nạn xã hội, làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người và là nguyên nhân phát sinh các tội phạm khác, hành vi mua bán trái phép chất ma túy của bị cáo làm gia tăng tệ nạn ma túy do vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo khai báo thành khẩn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng

chiến nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt

[7] Xét thấy, bị cáo đã 02 lần thực hiện việc mua bán ma túy với số lượng nhiều, lần thứ nhất xác định bị cáo bán thành công 20 viên thuốc lắc 12,29 gam Ketamine, lần thứ hai là 32,5733 gam Methamphetamine và MDMA, nên cần phải xử phạt bị cáo mức án trên khởi điểm của khung hình phạt mới đảm bảo răn đe, trừng trị đối với bị cáo.

[8] *Về hình phạt bổ sung*: Bị cáo mua bán ma túy nhằm mục đích để thu lợi nên cần áp dụng mức hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] *Về xử lý vật chứng*: Số ma túy còn lại trong 02 phong bì niêm phong và 01 túi xách màu đen cần tịch thu tiêu hủy; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu GALAXY S20+5G do bị cáo sử dụng vào việc mua bán ma túy cần tịch thu sung ngân sách nhà nước nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu SHARK-KLE-A0, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu VERTU-099519 không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại bị cáo.

- Về vấn đề khác

[10] Đối với chiếc mô tô Honda BKS: 15B1 - 970.96 tạm giữ của Trần Đức T, T khai đã mua chiếc xe đó nhưng không làm thủ tục sang tên chủ sở hữu, quá trình xác minh chủ sở hữu chiếc xe chưa có kết quả, do đó, Cơ quan điều tra tách vật chứng này để tiếp tục điều tra làm rõ.

[10.1] Đối tượng bán ma túy cho Trần Đức T và đối tượng mua ma túy của Trần Đức T chưa xác minh được lai lịch cụ thể, Cơ quan điều tra không có căn cứ lập hồ sơ xử lý.

[10.2] Đối với chủ tài khoản mang tên Trương Tất Đ1, Cơ quan điều tra đã tiến hành cho T nhận dạng ảnh của người này, nhưng T xác định đây không phải là đối tượng bán ma túy cho T. Hiện chưa xác định được nơi cư trú của Đ1, nên Cơ quan điều tra tách tài liệu liên quan đến Trương Tất Đ1 để làm rõ, xử lý sau.

[11] *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[12] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm h khoản 3 và khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố Trần Đức T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Trần Đức T 17 (*mười bảy*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 25/4/2023.

Phạt tiền bị cáo Trần Đức T 10.000.000 (*mười triệu*) đồng để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: Sổ ma túy còn lại trong 01 (một) phong bì niêm phong số 385MT/PC09 của Phòng K - Công an T trên niêm phong có chữ ký của Phạm Văn B, Cao Việt A, Nguyễn Thùy L, Nguyễn Khắc T4, Phạm Đỗ Hoàng L1 và Trần Đức T; 01 (một) phong bì niêm phong số 358MT/PC09 của Phòng K - Công an T trên niêm phong có chữ ký của Phạm Văn B, Bùi Quang C2 và Trần Đức T; 01 túi xách màu đen (loại túi đeo trước ngực).

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 điện thoại nhãn hiệu GALAXY S20+5G màu đỏ có số Imei: 354203111412039 đã qua sử dụng.

Trả lại bị cáo: 01 điện thoại nhãn hiệu VERTU-T-099519 màu bạc hồng, khởi động không lên nguồn không kiểm tra được I, đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu SHARK KLE-A0 màu đen có số Imei 1: 866475045184030, Imei 2: 866475045264030 đã qua sử dụng, nhưng tạm giữ 02 điện thoại này để đảm bảo thi hành án.

Tình trạng, đặc điểm các vật chứng thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 20 tháng 5 năm 2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Đức T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- Vụ 1 - TANDTC;
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo; Trại tạm giam;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Hữu Trường

